

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2019

kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 3 - 4 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH | 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | |
| - Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 6 - 7 |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 8 |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 9 |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 10 - 31 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần City Auto (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2019 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã được soát xét.

Công ty Cổ Phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 ngày 16/7/2019 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết : bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 11 là: 455.399.680.000 đồng

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 30/6/2019: 455.399.680.000 đồng

Hội đồng quản trị Công ty gồm:

| | | |
|-----|--------------------|---------------|
| Ông | : Trần Ngọc Dân | Chủ tịch HĐQT |
| Ông | : Trần Lâm | Thành viên |
| Ông | : Trần Trung Chánh | Thành viên |
| Ông | : Võ Thanh Phong | Thành viên |
| Ông | : Nim Vuồn Phu | Thành viên |

Ban Tổng giám đốc Công ty gồm:

| | | |
|-----|--------------------------|--------------------|
| Ông | : Trần Trung Chánh | Tổng Giám đốc |
| Ông | : Nguyễn Hoàng Minh Tiến | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà | : Lê Thị Phú | Giám đốc tài chính |

Ban kiểm soát gồm:

| | | |
|----|------------------------|------------|
| Bà | : Phạm Thị Mỹ Dung | Trưởng ban |
| Bà | : Nguyễn Thị Tâm | Thành viên |
| Bà | : Lê Thị Thương Thương | Thành viên |

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty cho 6 tháng đầu năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2019. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2019

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TRUNG CHÁNH

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần City Auto

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 20 tháng 7 năm 2019, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần City Auto chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/6/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tp. HCM, ngày 08 tháng 8 năm 2019

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám Đốc



LÊ VĂN TUẤN

Số Giấy CNDKHNKT 0479-2018-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City

Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942

Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn | 100 | | 1.026.486.604.079 | 775.784.299.814 |
| <i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | 110 | V.01 | 31.914.737.982 | 29.209.095.924 |
| 1. Tiền | 111 | | 31.914.737.982 | 29.209.095.924 |
| <i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i> | 120 | | - | - |
| <i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i> | 130 | | 571.270.780.263 | 535.360.181.890 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.02 | 255.994.045.238 | 287.994.004.328 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.03 | 93.375.911.960 | 46.363.681.261 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.04a | 221.820.249.732 | 200.921.922.968 |
| 4. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | V.05 | 80.573.333 | 80.573.333 |
| <i>IV. Hàng tồn kho</i> | 140 | V.06 | 412.312.656.169 | 207.386.079.748 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 413.138.470.414 | 208.211.893.993 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (825.814.245) | (825.814.245) |
| <i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i> | 150 | | 10.988.429.665 | 3.828.942.252 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.07a | 4.522.158.928 | 2.766.534.514 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | V.14 | 6.121.449.411 | 1.057.217.981 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.14 | 344.821.326 | 5.189.757 |
| B. Tài sản dài hạn | 200 | | 471.075.678.824 | 190.118.514.958 |
| <i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i> | 210 | | 272.731.585.499 | 66.913.425.499 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.04b | 272.731.585.499 | 66.913.425.499 |
| <i>II. Tài sản cố định</i> | 220 | | 127.965.849.648 | 117.485.931.897 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.09 | 43.344.100.611 | 32.855.286.105 |
| - Nguyên giá | 222 | | 70.087.662.903 | 53.559.481.879 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (26.743.562.292) | (20.704.195.774) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 84.621.749.037 | 84.630.645.792 |
| - Nguyên giá | 228 | | 85.142.269.623 | 85.034.769.623 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (520.520.586) | (404.123.831) |
| <i>III. Bất động sản đầu tư</i> | 230 | | - | - |
| <i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i> | 240 | | 6.854.533.212 | 3.482.391.126 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 6.854.533.212 | 3.482.391.126 |
| <i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i> | 250 | | - | - |
| <i>VI. Tài sản dài hạn khác</i> | 260 | | 63.523.710.465 | 2.236.766.436 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.07b | 7.556.675.378 | 2.236.766.436 |
| 2. Lợi thế thương mại | 269 | V.08 | 55.967.035.087 | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.497.562.282.903 | 965.902.814.772 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2019

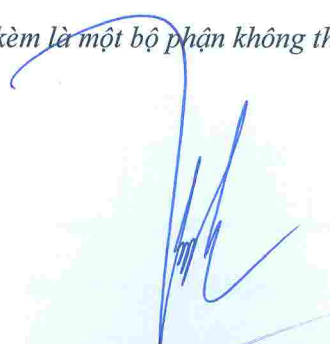
Đơn vị tính: đồng

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| C. Nợ phải trả | 300 | | 869.508.592.776 | 698.698.188.417 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 866.609.319.496 | 696.433.965.871 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 52.274.649.675 | 36.963.005.549 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 38.908.860.778 | 36.619.145.944 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 8.078.742.055 | 9.405.065.128 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 10.699.059.866 | 13.704.921.295 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 5.923.375.326 | 2.844.854.342 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 30.461.656.760 | 18.789.115.982 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17a | 715.923.545.721 | 574.285.982.213 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.18 | 4.339.429.315 | 3.821.875.418 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 2.899.273.280 | 2.264.222.546 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.17b | 2.899.273.280 | 1.229.960.000 |
| 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | 1.034.262.546 |
| D. Vốn chủ sở hữu | 400 | | 628.053.690.127 | 267.204.626.355 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 628.053.690.127 | 267.204.626.355 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.19 | 455.399.680.000 | 180.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 455.399.680.000 | 180.000.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.19 | 4.351.560.692 | 8.751.560.692 |
| 3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | V.19 | 1.199.078.892 | 1.199.078.892 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.19 | 46.774.690.395 | 59.715.620.402 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 4.657.127.203 | 5.402.515.702 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 42.117.563.192 | 54.313.104.700 |
| 5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | V.20 | 120.328.680.148 | 17.538.366.369 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.497.562.282.903 | 965.902.814.772 |

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Lê Thị Phú
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 7 năm 2019



Lê Thị Phú
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: đồng

| TT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|-----|--|-------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | | 2.945.163.868.933 | 1.368.593.896.657 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | | 10.250.308.728 | 22.492.999.668 |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.01 | 2.934.913.560.205 | 1.346.100.896.989 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 2.744.601.460.959 | 1.259.334.251.064 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 190.312.099.246 | 86.766.645.925 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 256.044.414 | 13.240.550 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | 20.726.146.452 | 10.951.332.461 |
| | - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 20.726.146.452 | 10.951.332.461 |
| 8. | Chi phí bán hàng | 25 | VI.05 | 96.528.685.351 | 55.764.677.072 |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.06 | 43.881.489.390 | 30.368.340.351 |
| 10. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 29.431.822.467 | (10.304.463.409) |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | VI.07 | 30.231.686.724 | 19.019.509.160 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | VI.08 | 2.010.504.851 | 271.956.417 |
| 13. | Lợi nhuận khác | 40 | | 28.221.181.873 | 18.747.552.743 |
| 14. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 57.653.004.340 | 8.443.089.334 |
| 15. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.09 | 9.020.370.255 | 641.726.016 |
| 16. | Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 48.632.634.085 | 7.801.363.318 |
| 18. | Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 61 | | 42.117.563.192 | 7.397.502.936 |
| 19. | Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát | 62 | | 6.515.070.893 | 403.860.382 |
| 20. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 1.082 | 411 |
| 21. | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.11 | 1.082 | 411 |

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Lê Thị Phú

Người lập biểu

Ngày 20 tháng 7 năm 2019

Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính

Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(theo phương pháp gián tiếp)
6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 57.653.004.340 | 8.443.089.334 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 5.826.459.272 | 3.414.849.225 |
| Các khoản dự phòng | 03 | - | - |
| (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 29.888.644 | 189.467.074 |
| Chi phí lãi vay | 06 | 20.726.146.452 | 10.951.332.461 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 84.235.498.708 | 22.998.738.094 |
| (Tăng) giảm các khoản phải thu | 09 | (247.132.621.372) | 63.959.244.243 |
| (Tăng) giảm hàng tồn kho | 10 | (204.926.576.421) | 93.404.428.493 |
| Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuê thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 130.708.738.339 | 12.965.802.895 |
| (Tăng) giảm chi phí trả trước | 12 | (72.060.723.258) | 1.336.485.379 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (20.726.146.452) | (10.951.332.461) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (15.610.651.336) | (1.272.164.875) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (398.500.000) | (444.200.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (345.910.981.792) | 181.997.001.768 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (16.921.194.813) | (9.965.339.367) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 6.201.818.181 | 4.507.272.727 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 29.123.694 | 13.240.550 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (10.690.252.938) | (5.444.826.090) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 216.000.000.000 | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 2.255.424.292.081 | 971.629.874.937 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (2.112.117.415.293) | (1.142.433.874.480) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 359.306.876.788 | (170.803.999.543) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | 2.705.642.058 | 5.748.176.135 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 29.209.095.924 | 13.102.604.317 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 31.914.737.982 | 18.850.780.452 |

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Lê Thị Phú

Người lập biểu

Ngày 20 tháng 7 năm 2019

Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính

Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho báo cáo 6 tháng đầu năm 2019

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 ngày 16/7/2019 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Thương mại – Dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2019.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 04 đặt tại số 12 đường số 9, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-006.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối năm.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Cơ sở kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3- Các căn cứ pháp lý làm cơ sở để hợp nhất báo cáo

- Chuẩn mực kế toán số 07 – Đầu tư vào Công ty Liên kết
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin về các khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con
- Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại

2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng trừ dần nguyên giá tài sản cố định, thời gian ước tính như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao</u> |
|-----------------------------|---------------------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc | 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 06 năm |
| - Phương tiện vận tải | 05 - 06 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

5. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn...

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Phân loại:

- Chi phí trả trước ngắn hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.
- Chi phí trả trước dài hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển:* Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi:* Nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

15. Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

17. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

18. Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | | |
| Tiền mặt | 5.773.232.121 | 6.380.797.134 |
| - Tại Công ty Cổ phần City Auto | 1.690.567.181 | 4.272.298.020 |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ | 122.118.365 | 182.731.597 |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang | 351.058.577 | 1.925.767.517 |
| - Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh | 3.609.487.998 | - |
| Tiền gửi ngân hàng | 26.141.505.861 | 22.828.298.790 |
| - Tại Công ty Cổ phần City Auto | 11.335.161.581 | 17.202.762.440 |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ | 2.300.497.914 | 4.802.414.420 |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang | 468.988.950 | 823.121.930 |
| - Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh | 12.036.857.416 | - |
| Cộng | 31.914.737.982 | 29.209.095.924 |
| 2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn | | |
| - Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng) | 252.898.469.420 | 287.994.004.328 |
| - Phải thu các Bên liên quan | | |
| + Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô | 3.095.575.818 | - |
| Cộng | 255.994.045.238 | 287.994.004.328 |
| 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | |
| - Công Ty TNHH Minh Long | 59.854.273.196 | 37.017.356.162 |
| - Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô | 20.413.983.706 | - |
| - Công Ty Cổ Phần Hyundai Thành Công | 3.363.712.494 | - |
| - Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác | 9.743.942.564 | 9.346.325.099 |
| Cộng | 93.375.911.960 | 46.363.681.261 |
| 4. Phải thu khác | | |
| a) Ngắn hạn | | |
| - Phải thu hỗ trợ bán hàng từ Công ty Ford Việt Nam | 39.220.689.030 | 30.602.165.576 |
| - Phải thu hỗ trợ bán hàng từ Công ty Hyundai | 1.149.281.822 | - |
| - Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Trident Auto | 3.000.000.000 | - |
| - Phải thu khác từ các Bên liên quan: | | |
| + Phải thu khác từ Ông Trần Ngọc Dân | 18.685.887.504 | 7.179.787.504 |
| + Phải thu khác từ Ông Nìm Vuồn Phu | 3.002.746.409 | - |
| + Phải thu khác từ Ông Trần Trung Chánh | 761.176.971 | - |
| + Phải thu khác từ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô | 118.176.548.145 | 141.111.844.363 |
| - Các khoản tạm ứng | 7.803.541.626 | 4.036.180.619 |
| - Ký quỹ ngắn hạn khác | 303.349.560 | 134.364.560 |
| - Các khoản phải thu khác | 29.717.028.665 | 17.857.580.346 |
| Cộng | 221.820.249.732 | 200.921.922.968 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Phải thu khác (tiếp theo)

| b) Dài hạn | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|-----------------------|
| - Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô | 73.334.102.400 | 62.834.102.400 |
| - Góp vốn tham gia hợp đồng liên doanh đồng kiểm soát (*) | 193.464.000.000 | |
| - Ký quỹ dài hạn khác | 5.933.483.099 | 4.079.323.099 |
| Cộng | 272.731.585.499 | 66.913.425.499 |

(*) Khoản chi tiền hợp tác kinh doanh cho Công ty cổ phần bất động sản Bảo Long theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/2018 ngày 03/01/2018 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô, Công ty cổ phần bất động sản Bảo Long và Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh. Thời hạn hợp tác 5 năm. Mục đích là xây dựng, khai thác, vận hành, quản lý và kinh doanh dự án showroom Tân Thuận - nhà trưng bày, dịch vụ sửa chữa bảo hành ô tô. Tổng vốn đầu tư dự tính là 392.279.709.792 đồng.

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---------------------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|
| | Giá trị | Số lượng | Giá trị | Số lượng |
| Tại Công ty CP City Auto | | | | |
| - Hàng tồn kho | 80.573.333 | - | 80.573.333 | - |
| Cộng | 80.573.333 | - | 80.573.333 | - |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|----------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Công cụ dụng cụ | 14.480.606 | - | 12.566.679 | - |
| - Chi phí sản xuất dở dang | 4.375.196.133 | - | 3.153.465.373 | - |
| - Hàng hóa (6.1) | 408.748.793.675 | (825.814.245) | 205.045.861.941 | (825.814.245) |
| Cộng | 413.138.470.414 | (825.814.245) | 208.211.893.993 | (825.814.245) |

(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Xe các loại | 357.601.118.296 | 162.086.363.630 |
| - Tại Công ty Cổ phần City Auto | 159.534.422.725 | 121.154.540.903 |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ | 30.443.309.090 | 26.406.295.456 |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang | 26.010.354.546 | 14.525.527.271 |
| - Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh | 141.613.031.935 | - |
| Phụ tùng, phụ kiện | 51.147.675.379 | 42.959.498.311 |
| - Tại Công ty Cổ phần City Auto | 25.314.990.665 | 22.007.308.493 |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ | 15.032.622.340 | 12.526.880.020 |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang | 8.474.828.979 | 8.425.309.798 |
| - Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh | 2.325.233.395 | - |
| Cộng | 408.748.793.675 | 205.045.861.941 |

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

| | |
|----------------------|----------------------|
| - Số dư đầu năm | (825.814.245) |
| - Trích lập dự phòng | - |
| - Số dư cuối kỳ | (825.814.245) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 7. Chi phí trả trước | | | | |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| - Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | | | 1.438.553.223 | 1.031.155.912 |
| - Vật tư sơn chờ kết chuyển | | | 760.875.457 | 436.570.722 |
| - Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển | | | 2.322.730.248 | 1.298.807.880 |
| Cộng | | | 4.522.158.928 | 2.766.534.514 |
| b) Dài hạn | | | | |
| - Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | | | 3.416.166.779 | 1.812.416.437 |
| - Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển | | | 4.140.508.599 | 424.349.999 |
| Cộng | | | 7.556.675.378 | 2.236.766.436 |
| 8. Lợi thế thương mại | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất | | | 58.912.668.513 | - |
| Lợi thế thương mại đã phân bổ | | | (2.945.633.426) | - |
| Cộng | | | 55.967.035.087 | - |
| 9. Tài sản cố định hữu hình | Số đầu năm | Tăng | Giảm | Số cuối kỳ |
| Nguyên giá | | | | |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 13.146.027.495 | 726.757.345 | - | 13.872.784.840 |
| Máy móc, thiết bị | 15.887.513.869 | 5.733.558.136 | - | 21.621.072.005 |
| Phương tiện vận tải | 23.559.022.807 | 18.071.712.728 | 8.144.207.185 | 33.486.528.350 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 966.917.708 | 140.360.000 | - | 1.107.277.708 |
| Cộng | 53.559.481.879 | 24.672.388.209 | 8.144.207.185 | 70.087.662.903 |
| Khấu hao lũy kế | | | | |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6.953.068.996 | 933.742.233 | - | 7.886.811.229 |
| Máy móc, thiết bị | 7.609.491.697 | 2.344.506.471 | - | 9.953.998.168 |
| Phương tiện vận tải | 5.451.817.381 | 4.479.666.346 | 1.883.376.666 | 8.048.107.061 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 689.817.700 | 164.828.134 | - | 854.645.834 |
| Cộng | 20.704.195.774 | 7.922.743.184 | 1.883.376.666 | 26.743.562.292 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6.192.958.499 | | | 5.985.973.611 |
| Máy móc, thiết bị | 8.278.022.172 | | | 11.667.073.837 |
| Phương tiện vận tải | 18.107.205.426 | | | 25.438.421.289 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 277.100.008 | | | 252.631.874 |
| Cộng | 32.855.286.105 | | | 43.344.100.611 |

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng trong kỳ do mua sắm mới với số tiền là 13.549.052.727 đồng và do hợp nhất nguyên giá TSCĐ của Công ty CP Auto Trường Chinh tại ngày mua với số tiền là 11.123.335.482 đồng; giảm do nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

- Khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình tăng trong kỳ do trích khấu hao với số tiền là 5.757.093.781 đồng và do hợp nhất khấu hao lũy kế TSCĐ của Công ty CP Auto Trường Chinh tại ngày mua với số tiền là 2.165.649.403 đồng; giảm do nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.489.552.818 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

10. Tài sản cố định vô hình

| | Số đầu năm | Tăng | Giảm | Số cuối kỳ |
|------------------------|-----------------------|--------------------|------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Quyền sử dụng đất | 84.022.474.623 | - | - | 84.022.474.623 |
| Phần mềm | 1.012.295.000 | 107.500.000 | - | 1.119.795.000 |
| Cộng | 85.034.769.623 | 107.500.000 | - | 85.142.269.623 |
| Khấu hao lũy kế | | | | |
| Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| Phần mềm | 404.123.831 | 116.396.755 | - | 520.520.586 |
| Cộng | 404.123.831 | 116.396.755 | - | 520.520.586 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Quyền sử dụng đất | 84.022.474.623 | | | 84.022.474.623 |
| Phần mềm | 608.171.169 | | | 599.274.414 |
| Cộng | 84.630.645.792 | | | 84.621.749.037 |

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng trong kỳ do hợp nhất nguyên giá TSCĐ của Công ty CP Auto Trường Chinh tại ngày mua với số tiền là 107.500.000 đồng.

- Khấu hao lũy kế tài sản cố định vô hình tăng trong kỳ do trích khấu hao với số tiền là 69.365.491 đồng và do hợp nhất khấu hao lũy kế TSCĐ của Công ty CP Auto Trường Chinh tại ngày mua với số tiền là 47.031.264 đồng; giảm do nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 284.850.000 đồng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| - Mua sắm tài sản cố định | - | 1.960.800.000 |
| - Chi phí xây dựng showroom ở tỉnh Bình Phước | 5.332.942.086 | - |
| - Chi phí cải tạo Công trình ở đường Nguyễn Xí, TPHCM | 1.508.636.581 | 1.508.636.581 |
| - Chi phí khác | 12.954.545 | 12.954.545 |
| Cộng | 6.854.533.212 | 3.482.391.126 |

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| - Công ty TNHH Ford Việt Nam | 10.153.389.260 | 10.153.389.260 | 14.954.095.230 | 14.954.095.230 |
| - Công ty TNHH Minh Long | 10.372.758.969 | 10.372.758.969 | 6.056.583.698 | 6.056.583.698 |
| - Phải trả các bên liên quan | | | | |
| + Công ty CP TH Tân Thành Đô | 17.051.701.423 | 17.051.701.423 | 7.295.611.408 | 7.295.611.408 |
| - Các đối tượng khác | 14.696.800.023 | 14.696.800.023 | 8.656.715.213 | 8.656.715.213 |
| Cộng | 52.274.649.675 | 52.274.649.675 | 36.963.005.549 | 36.963.005.549 |

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng) | 38.908.860.778 | 36.619.145.944 |
| Cộng | 38.908.860.778 | 36.619.145.944 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

14. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| a) Phải nộp | | |
| - Thuế giá trị gia tăng phải nộp | 306.589.901 | 105.580.247 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.361.073.369 | 8.853.181.283 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 411.078.785 | 446.303.598 |
| Cộng | 8.078.742.055 | 9.405.065.128 |
| b) Phải thu | | |
| - Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ | 6.121.449.411 | 1.057.217.981 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp (nộp dư) | 344.821.326 | - |
| - Thuế thu nhập cá nhân (nộp dư) | - | 5.189.757 |
| Cộng | 6.466.270.737 | 1.062.407.738 |

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| - Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam | 757.100.082 | 1.022.913.010 |
| - Trích trước lương tháng 13 | 3.182.231.496 | - |
| - Chi phí phải trả khác | 1.984.043.748 | 1.821.941.332 |
| Cộng | 5.923.375.326 | 2.844.854.342 |

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Tài sản thừa chờ xử lý ở Công ty CP City Auto | 397.122.489 | 397.122.489 |
| - Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng | 2.061.909.625 | 3.502.108.995 |
| - Phải trả Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến (Bên liên quan) | 2.279.859.997 | 3.205.752.441 |
| - Phải trả Ông Trần Trung Chánh (Bên liên quan) | - | 1.843.823.029 |
| - Phải trả Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (Bên liên quan) | 478.194.305 | - |
| - Phải trả Ông Trần Quang Trí | 540.245.364 | 2.168.286.074 |
| - Phải trả bà Trần Thị Tâm tiền chuyển nhượng cổ phần | 8.700.000.000 | - |
| - Phải trả Công ty TNHH Ô tô VW Nha Trang | 1.320.000.000 | 1.420.000.000 |
| - Phải trả khách hàng tiền đặt cọc | 230.000.000 | 222.000.000 |
| - Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty CP City Auto | 9.065.000 | 9.065.000 |
| - Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty CP ô tô Phú Mỹ | 42.301.839 | - |
| - Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty CP Auto Trường Chinh | 3.880.000.000 | - |
| - Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty CP ô tô Nha Trang | 2.096.362.560 | - |
| - Các khoản phải trả khác | 8.426.595.581 | 6.020.957.954 |
| Cộng | 30.461.656.760 | 18.789.115.982 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

17. Vay và nợ thuê tài chính

| | Số đầu năm | Tăng | Giảm | Số cuối kỳ |
|--|------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| a. Ngắn hạn | 574.285.982.213 | 2.252.026.730.481 | 2.110.452.966.973 | 715.923.545.721 |
| - NH Ngoại thương (17.1) | 165.874.692.388 | 627.187.399.250 | 718.108.797.795 | 74.953.293.843 |
| - NH Bảo Việt (17.2) | 47.150.996.000 | 384.605.400.000 | 297.053.912.000 | 134.702.484.000 |
| - NH Quân đội (17.3) | - | 102.389.704.650 | 73.139.466.100 | 29.250.238.550 |
| - NH Công Thương (17.4) | 19.268.000.000 | 94.550.388.750 | 105.618.380.000 | 8.200.008.750 |
| - NH An Bình (17.5) | 92.621.136.000 | 189.765.859.129 | 195.082.196.000 | 87.304.799.129 |
| - NH Xuất nhập khẩu (17.6) | 45.522.812.000 | 61.307.104.000 | 81.834.000.000 | 24.995.916.000 |
| - NH VN Thịnh Vượng (17.7) | 49.185.000.000 | 93.907.598.050 | 71.974.378.419 | 71.118.219.631 |
| - NH Đầu tư và Phát triển (17.8) | 153.573.073.825 | 586.158.094.202 | 512.109.002.159 | 227.622.165.868 |
| - NH Quốc tế (17.9) | - | 112.155.182.450 | 55.532.834.500 | 56.622.347.950 |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả + NH Ngoại thương (17.1) | 1.090.272.000 | | | 1.154.072.000 |
| b. Dài hạn | 1.229.960.000 | 3.397.561.600 | 1.664.448.320 | 2.899.273.280 |
| - NH Ngoại thương (17.1) | 2.320.232.000 | 1.720.000.000 | 1.470.936.000 | 2.569.296.000 |
| - NH Quân đội (17.3) | - | 967.561.600 | 193.512.320 | 774.049.280 |
| - NH An Bình (17.5) | - | 710.000.000 | - | 710.000.000 |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả | (1.090.272.000) | | | (1.154.072.000) |
| Cộng | 575.515.942.213 | 2.255.424.292.081 | 2.112.117.415.293 | 718.822.819.001 |

Cho đến ngày 30/6/2019, Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

(17.1) Vay ngắn và dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại các chi nhánh sau:

(17.1.1) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay tại Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng số 0116/1838/N-CTD ngày 24/8/2018 với hạn mức vay là 30 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe Ford hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2019 là 27.001.565.578 đồng.

(17.1.2) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 2019/ONT ngày 29/3/2019 với tổng hạn mức vay là 80 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm các xe ô tô tồn kho với giá trị là 95 tỷ đồng, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp hàng hoá số 2019/ONT/TS ngày 29/3/2019. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2019 là 47.951.728.265 đồng.

(17.1.3) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng sau:

- Số 2017/VCB - ONT/XE2 ngày 01/3/2017 với số tiền vay là 1.250.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Explorer BS 79A-141.21. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 2017/VCB- ONT/TS2 ngày 01/03/2017.

- Số 2018/CVTL-ONT/PTVT2 ngày 17/10/2018 với số tiền vay là 830.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Ecosport BS 79A-205.90. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định tại hợp đồng thế chấp số 2018/TC- ONT/PTVT2 ngày 17/10/2018.

- Số 0419/CVTL-ONT/PTVT ngày 19/4/2019 với số tiền vay là 1.100.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Ecosport BKS 79A-234.13 và Raptor 79A-233.57. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định tại hợp đồng thế chấp số 0419/TC-ONT/PTVT ngày 19/4/2019.

- Số 0519/CVTL-ONT/PTVT ngày 8/5/2019 với số tiền vay là 620.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Everest BKS 79A-236.49. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định tại hợp đồng thế chấp số 0519/TC-ONT/PTVT ngày 8/5/2019.

Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2019 là 2.569.296.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 1.154.072.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(17.2) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM** theo các hợp đồng:

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0140/2019/HĐTD1/BVB03 ngày 05/3/2019 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm xe ô tô Ford hình thành từ vốn vay; xe ô tô Ford tồn kho mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2019 là 93.319.484.000 đồng.

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0863/2018/HĐTD1/BVB03 ngày 19/7/2018, hạn mức vay: 150 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng tồn kho xe ô tô Ford nguyên chiếc mới 100% mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam, xe có sẵn trong kho hoặc/và xe hình thành từ vốn vay. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2019 là 41.383.000.000 đồng.

(17.3) - Khoản vay từ **Ngân hàng TMCP Quân Đội** theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 36501.18.117.2897485.TD ngày 11/10/2018. Hạn mức tín dụng là 180.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: mua hàng từ Công ty CP ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam và Công ty CP Hyundai Thành Công Thương mại. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 04/10/2019, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2019 là 29.250.238.550 đồng.

- Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Quân Đội theo Hợp đồng cho vay trung hạn số 5815.19.117.2897485.TD ngày 28/02/2019. Số tiền vay là 967.561.600 đồng. Mục đích vay: mua xe Hyundai BS 51G-79458. Thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2019 là 774.049.280 đồng.

(17.4) Vay ngắn hạn **Ngân hàng TMCP Công Thương** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0902/2018/HĐCVHM/NHCT924-ATT ngày 07/9/2018. Hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức: từ ngày 07/9/2018 đến ngày 20/8/2019, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2019 là 8.200.008.750 đồng.

(17.5) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh TP.HCM** theo các hợp đồng:

- Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay hạn mức số 1266/19/TD/I ngày 11/6/2019 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh; bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM với giá trị là 120.838.000.000 đồng, chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 1266/19/TCSP/I ngày 11/6/2019; hàng hóa là xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%; hàng hóa là xe ô tô hiện hữu nhãn hiệu Ford mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2019 là 87.304.799.129 đồng.

- Khoản vay dài hạn theo hợp đồng cho vay số 1709/19/TD/I ngày 27/6/2019; số tiền vay là 710.000.000 đồng. Mục đích vay: mua xe Hyundai BS 51H-072.44. Thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2019 là 710.000.000 đồng.

(17.6) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - chi nhánh Hòa Bình** theo hợp đồng số 1007-LAV-190014952 ngày 27/02/2019 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2019 là 24.995.916.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(17.7) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng** - Chi nhánh Sài Gòn theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hạn mức số SME/EPL/18/0081/HDHM ngày 26/09/2018 với tổng hạn mức vay là 70 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% hình thành từ vốn vay mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2019 là 63.789.670.081 đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số SME/TDC/17/0064/HĐHM ngày 14/8/2018. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2019 là 7.328.549.550 đồng.

(17.8) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam** theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Số 01/2018/4528578/HĐTD ngày 26/6/2018 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% hình thành từ vốn vay mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2019 là 14.876.147.500 đồng.

- Số 02/2018/11402179/HĐTD ngày 25/10/2018 với tổng hạn mức vay là 150 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa là xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2019 là 148.119.372.593 đồng.

- Số 01/2018/8943817/HĐTD ngày 07/11/2018 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2019 là 64.626.645.775 đồng.

(17.9) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Quốc tế** theo các hợp đồng:

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0015-HĐTD.VIB880.19 ngày 22/4/2019 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm xe ô tô Ford hình thành từ vốn vay; xe ô tô Ford tồn kho mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2019 là 52.448.176.750 đồng.

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3724233.19 ngày 13/5/2019, hạn mức vay: 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng tồn kho xe ô tô Hyundai mới 100% mua từ Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2019 là 4.174.171.200 đồng.

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 3.821.875.418 | 2.656.844.623 |
| Tăng do trích quỹ | - | 1.406.678.845 |
| Giảm do chi quỹ | (398.500.000) | (444.200.000) |
| Tăng do hợp nhất | 916.053.897 | - |
| Số dư cuối kỳ | 4.339.429.315 | 3.619.323.468 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | 01/01/2018 | Tăng | Giảm | 30/6/2018 |
|--------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| - Vốn góp của chủ sở hữu | 180.000.000.000 | - | - | 180.000.000.000 |
| - Quỹ khác | 1.121.899.985 | 79.384.019 | 2.205.112 | 1.199.078.892 |
| - Quỹ Đầu tư phát triển | 6.019.792.133 | 2.733.973.671 | 2.205.112 | 8.751.560.692 |
| - LNST chưa phân phối | 27.615.936.902 | 7.397.502.936 | 22.213.421.199 | 12.800.018.639 |
| Cộng | 214.757.629.020 | 10.210.860.626 | 22.217.831.423 | 202.750.658.223 |

| | 01/01/2019 | Tăng | Giảm | 30/6/2019 |
|--------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| - Vốn góp của chủ sở hữu | 180.000.000.000 | 275.399.680.000 | - | 455.399.680.000 |
| - Quỹ khác | 1.199.078.892 | - | - | 1.199.078.892 |
| - Quỹ Đầu tư phát triển | 8.751.560.692 | - | 4.400.000.000 | 4.351.560.692 |
| - LNST chưa phân phối | 59.715.620.402 | 42.117.563.192 | 55.058.493.199 | 46.774.690.395 |
| Cộng | 249.666.259.986 | 317.517.243.192 | 59.458.493.199 | 507.725.009.979 |

b) Lợi nhuận chưa phân phối

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm | 59.715.620.402 | 27.615.936.902 |
| - Lợi nhuận phát sinh trong kỳ | 42.117.563.192 | 7.397.502.936 |
| - Chia cổ tức bằng cổ phiếu hoặc bằng tiền | (39.599.890.000) | (18.000.000.000) |
| - Phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế | (15.399.790.000) | - |
| - Trích quỹ Đầu tư và phát triển | - | (2.733.973.671) |
| - Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - | (79.384.019) |
| - Trích quỹ Khen thưởng và phúc lợi | - | (1.406.678.845) |
| - Tăng/(giảm) khác | (58.813.199) | 6.615.336 |
| Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ | 46.774.690.395 | 12.800.018.639 |

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11 ngày 16/7/2019 là 455.399.680.000 đồng tương đương 45.539.968 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

| Cổ phiếu | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|---|----------------------|----------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 45.539.968 | 18.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 45.539.968 | 18.000.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 45.539.968 | 18.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| + Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 45.539.968 | 18.000.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 45.539.968 | 18.000.000 |
| * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: | 10.000 đồng/cp | 10.000 đồng/cp |

d) Cổ tức

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|--|----------------------|----------------------|
| - Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm | | |
| + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông | 39.599.890.000 | 18.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

| 20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|-----------------------|
| + Vốn góp của cổ đông không kiểm soát | 111.500.000.000 | 14.500.000.000 |
| + Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát | 9.851.379.254 | 3.336.308.361 |
| + Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát | (2.658.084.552) | (279.709.737) |
| + Trích lập các quỹ | (18.232.255) | (18.232.255) |
| + Tặng do hợp nhất | 1.653.617.701 | - |
| Cộng | 120.328.680.148 | 17.538.366.369 |

| 21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|---------------|---------------|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| - USD | - | - |
| - Nợ khó đòi đã xử lý | 5.356.110.813 | 5.356.110.813 |

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| a) Doanh thu | | |
| - Doanh thu bán hàng hoá | 2.816.726.911.502 | 1.279.124.170.542 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 128.436.957.431 | 89.469.726.115 |
| Cộng | 2.945.163.868.933 | 1.368.593.896.657 |
| Các khoản giảm trừ | | |
| Chiết khấu thương mại | 2.704.545.454 | 22.488.999.999 |
| Hàng bán bị trả lại | 7.545.763.274 | 3.999.669 |
| Cộng doanh thu thuần | 2.934.913.560.205 | 1.346.100.896.989 |
| Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Doanh thu bán xe | 2.745.937.042.652 | 1.226.499.977.390 |
| Doanh thu bán phụ tùng | 60.539.560.122 | 30.131.193.484 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 121.032.819.704 | 86.747.324.600 |
| Doanh thu khác | 7.404.137.727 | 2.722.401.515 |
| Cộng | 2.934.913.560.205 | 1.346.100.896.989 |
| b) Doanh thu đối với các bên liên quan | | |
| - Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô | 138.059.816.356 | 79.707.505.302 |
| 2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| - Giá vốn xe đã bán | 2.629.781.738.680 | 1.185.498.411.111 |
| - Giá vốn hàng hóa đã bán | 50.695.435.568 | 22.743.650.588 |
| - Giá vốn dịch vụ cung cấp | 64.124.286.711 | 51.092.189.365 |
| Cộng | 2.744.601.460.959 | 1.259.334.251.064 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| - Lãi tiền gửi ngân hàng | 29.123.694 | 13.240.550 |
| - Chiết khấu thanh toán được hưởng | 226.920.720 | - |
| Cộng | 256.044.414 | 13.240.550 |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| - Chi phí lãi vay | 20.726.146.452 | 10.951.332.461 |
| Cộng | 20.726.146.452 | 10.951.332.461 |
| 5. Chi phí bán hàng | | |
| - Chi phí nhân viên | 45.733.871.292 | 27.945.922.504 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 2.856.064.532 | 1.241.859.363 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 19.709.975.764 | 6.151.460.250 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 28.228.773.763 | 20.425.434.955 |
| Cộng | 96.528.685.351 | 55.764.677.072 |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 17.320.855.127 | 10.697.930.564 |
| - Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng | 1.930.995.343 | 1.524.751.428 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 2.566.577.739 | 1.884.085.342 |
| - Lợi thế thương mại phân bổ | 2.945.633.426 | - |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 16.016.069.261 | 13.908.178.319 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 3.101.358.494 | 2.353.394.698 |
| Cộng | 43.881.489.390 | 30.368.340.351 |
| 7. Thu nhập khác | | |
| - Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện, hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp | 19.369.618.243 | 12.932.650.527 |
| - Hỗ trợ chi phí hoạt động | 10.665.135.275 | 5.591.375.109 |
| - Thu nhập khác | 196.933.206 | 495.483.524 |
| Cộng | 30.231.686.724 | 19.019.509.160 |
| 8. Chi phí khác | | |
| - Lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định | 59.012.338 | 202.707.624 |
| - Chi phí phạt nộp chậm thuế | 707.838.720 | 15.422.373 |
| - Chi phí khác | 1.243.653.793 | 53.826.420 |
| Cộng | 2.010.504.851 | 271.956.417 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| - Chi phí/(hoàn nhập) thuế TNDN hiện hành - Công ty CP City Auto | 3.002.212.213 | 292.324.296 |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Phú Mỹ | 2.006.464.442 | 221.177.590 |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Nha Trang | 885.986.446 | 128.224.130 |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP Auto Trường Chinh | 3.125.707.154 | - |
| Cộng | 9.020.370.255 | 641.726.016 |
| 10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó: | 48.632.634.085 | 7.801.363.318 |
| - Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 6.515.070.893 | 403.860.382 |
| - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 42.117.563.192 | 7.397.502.936 |
| Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ | 42.117.563.192 | 7.397.502.936 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 38.915.998 | 18.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.082 | 411 |
| 11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | | |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 42.117.563.192 | 7.397.502.936 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 38.915.998 | 18.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 1.082 | 411 |
| 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | | |
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ | 2.727.172.491.200 | 1.245.739.338.248 |
| - Chi phí nhân công | 67.734.227.949 | 41.959.721.816 |
| - Chi phí khấu hao | 5.826.459.272 | 3.414.849.225 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 50.397.451.352 | 32.415.030.874 |
| - Chi phí khác | 33.881.005.927 | 21.938.328.324 |
| Cộng | 2.885.011.635.700 | 1.345.467.268.487 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

a/ Các bên liên quan

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|-----------------------------|
| Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô | Cổ đông lớn |
| Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát | Thành viên quản lý chủ chốt |

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

| Bên liên quan | Mối liên kết | Nội dung | Số tiền |
|--|--------------|--------------------------|-----------------|
| Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô | Cổ đông lớn | Bán hàng hóa | 138.059.816.356 |
| | | Mua hàng hóa | 132.826.690.900 |
| | | Hỗ trợ chi phí tài chính | 8.218.935.168 |
| | | Nhận cung cấp dịch vụ | 14.455.985.692 |
| Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát | | Lương và thù lao | 1.725.702.000 |

Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc năm tài chính:

| Bên liên quan | Mối liên kết | Nội dung | Số tiền |
|----------------------------------|-------------------|-----------------|------------------|
| Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô | Cổ đông lớn | Phải thu | 141.686.107.669 |
| | | Phải thu ký quỹ | 73.334.102.400 |
| | | Phải trả | (17.529.895.728) |
| Ông Trần Ngọc Dân | Chủ tịch HĐQT | Phải thu | 18.685.887.504 |
| Ông Nim Vuồn Phu | Thành viên HĐQT | Phải thu | 3.002.746.409 |
| Ông Trần Trung Chánh | Tổng Giám đốc | Phải thu | 761.176.971 |
| Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến | Phó Tổng Giám đốc | Phải trả | (2.279.859.997) |

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh xe, bộ phận dịch vụ sửa chữa, bộ phận kinh doanh phụ tùng, phụ kiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

a. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2019

| Chỉ tiêu | Kinh doanh xe | Dịch vụ sửa chữa | Kinh doanh phụ tùng | Tổng cộng |
|---|------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu thuần | 2.745.937.042.652 | 121.032.819.704 | 67.943.697.849 | 2.934.913.560.205 |
| 2. Giá vốn hàng bán | 2.629.781.738.680 | 64.124.286.711 | 50.695.435.568 | 2.744.601.460.959 |
| 3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh | 116.155.303.972 | 56.908.532.993 | 17.248.262.281 | 190.312.099.246 |
| 4. Tài sản bộ phận | 357.601.118.296 | 4.389.676.739 | 50.321.861.134 | 412.312.656.169 |
| 5. Tài sản không phân bổ | | | | 1.085.249.626.734 |
| Tổng tài sản | | | | 1.497.562.282.903 |
| 6. Nợ phải trả bộ phận | | | | - |
| 7. Nợ phải trả không phân bổ | | | | 869.508.592.776 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 869.508.592.776 |

b. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2018

| Chỉ tiêu | Kinh doanh xe | Dịch vụ sửa chữa | Kinh doanh phụ tùng | Tổng cộng |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu thuần | 1.226.499.977.390 | 86.747.324.600 | 32.853.594.999 | 1.346.100.896.989 |
| 2. Giá vốn hàng bán | 1.185.498.411.111 | 51.092.189.365 | 22.743.650.588 | 1.259.334.251.064 |
| 3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh | 41.001.566.279 | 35.655.135.235 | 10.109.944.411 | 86.766.645.925 |
| 4. Tài sản bộ phận | 116.929.282.375 | 1.878.375.703 | 40.297.819.468 | 159.105.477.546 |
| 5. Tài sản không phân bổ | | | | 479.416.620.060 |
| Tổng tài sản | | | | 638.522.097.606 |
| 6. Nợ phải trả bộ phận | | | | - |
| 7. Nợ phải trả không phân bổ | | | | 420.209.221.147 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 420.209.221.147 |

5. Thông tin khác

Các khoản thu từ các chương trình thưởng từ Ford Việt Nam trong 6 tháng năm 2019 được hạch toán vào khoản Doanh thu, không hạch toán vào khoản thu nhập khác do: căn cứ theo quyết toán thuế của cơ quan thuế, các chính sách bán hàng mà phía Công ty nhận được từ Ford Việt Nam.

6. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Lê Thị Phú

Người lập biểu

Ngày 20 tháng 7 năm 2019

Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc